TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/DS-ST
Ngày 15 – 6 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi và điểm cầu trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1958. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Chí T1 và bà Lê Hồng T2. Địa chỉ cư trú: Ấp T3. xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan*: Bà Tiêu Thị T, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của ông Phạm Văn H, thể hiện*:

Trong thời gian từ năm 2012-2016, ông H bán thuốc, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Trần Chí T1, bà Lê Hồng T2, thỏa thuận sau khi thu hoạch tôm sẽ thanh toán; tuy nhiên quá trình thực hiện, ông T1, bà T2 không thanh toán đầy đủ nên đến năm 2016 khi không tiếp tục nuôi tôm thì ông T1, bà T2 còn thiếu tổng số tiền 128.362.000 đồng. Mặc dù nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông T1, bà T2 không thực hiện nên ông H khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền trên.

** Đối với ông Trần Chí T1 và bà Lê Hồng T2*: Mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng ông T1, bà T2 không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông H.

** Theo Đơn yêu cầu ngày 25/5/2023 và lời trình bày tại phiên tòa của bà Tiêu Thị T, thể hiện*: Bà là vợ của ông Phạm Văn H, chưa có quyết định/bản án có hiệu lực của Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân của bà và ông H nên giữa bà và ông H đang tồn tại quan hệ hợp pháp; khoản nợ của ông T1, bà T2 là nợ chung của vợ chồng, việc ông H khởi kiện nhưng không đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đã ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của bà nên bà yêu cầu được tham gia tố tụng trong vụ án và yêu cầu ông T1, bà T2 phải trả số nợ trên cho vợ chồng bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu ông Trần Chí T1, bà Lê Hồng T2 trả số tiền mua bán thuốc, thức ăn thủy sản nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông T1, bà T2 đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp.

[3] Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Tiêu Thị T (vợ ông H) yêu cầu được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan. Xét thấy, khoản nợ của ông T1, bà T2 phát sinh trong thời gian quan hệ hôn nhân của ông H và bà T tồn tại hợp pháp, yêu cầu này của bà T là phù hợp nên được chấp nhận theo khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo biên bản làm việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ngày 26/3/2023 thì ông T1 thừa nhận còn thiếu tổng số tiền 128.362.000 đồng. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và ông T1, bà T2 không có ý kiến phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Việc ông H khởi kiện yêu cầu ông T1, bà T2 (vợ chồng) cùng có nghĩa vụ trả khoản nợ trên nhưng ông T1, bà T2 không có ý kiến gì khác nên có căn cứ xác định ông T1, bà T2 còn thiếu tổng số tiền 128.362.000 đồng nên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[6] Khoản nợ của ông T1, bà T2 phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của ông H, bà T nên bà T yêu cầu ông T1, bà T2 có trách nhiệm trả cho bà và ông H số nợ còn thiếu là phù hợp với Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông H đồng ý ông T1, bà T2 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông và bà T số tiền còn thiếu là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông T1, bà T2 phải chịu số tiền là: 128.362.000 đồng x 5% = 6.418.100 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 68, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H.

Buộc ông Trần Chí T1, bà Lê Hồng T2 trả cho ông Phạm Văn H, bà Tiêu Thị T số tiền 128.362.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông H, bà T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông T1, bà T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trần Chí T1, bà Lê Hồng T2 phải chịu 6.418.100 đồng (sáu triệu bốn trăm mười tám nghìn một trăm đồng).

- Ông Phạm Văn H không phải chịu (thuộc đối tượng là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn